

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

ADVANCE S1 P

Giày bảo h ộ thấp **có** phản **quang vùng gót chân**

Giày bảo h ộ lao Safety Jogger ADVANCE mang đế n khả năng bảo v ệ chắc chắn trong môi trường khô ráo, khẳng định S1P SRC, t mũi giày và đế g thép, đôi giày này chính là lá chắn bảo v ệ bạn kh ỏi các m ối nguy hiểm thường gặp.

CO₂ 11.57 kg



T22

Những vật liệu cao cấp hơn	Da hành động carbon
lót bên trong / i tái chế	lưới
trong / Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa / đế g	Thép
ngoài / Đ	PU / PU
u / Đứng đầ	Thép
i / Loạ	S1 P / SR, FO
Phạm vi kích thước	EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310
ng lượng thép	0.667 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022

CE · SRC · 3FIT SYSTEM · NESKRID



S1P
Đ làm việc trong khô ráo, không có nguy cơ bị nước ngấm vào, và bạn cần bảo vệ ngón chân, chống đâm thủng và thông thoáng bạn cần giày bảo hộ S1P.



SRC
Đ những tính năng giày an toàn và giày bảo hộ SRC vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



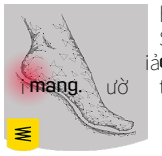
S nhiên
u Đ dầu
ế ngoài có khả năng và nhiên dầu.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đ i chắc chắn hoặc lăn hoặc iữa bằng thép



thép
đâm thủng được làm bằng thép không gỉ và ngăn các xâm i hoặc phủ nhập từ đế ngoài.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân mang. ười hoặc chạy lên cơ thể ng

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Xây dựcần g, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn mộikhô

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da hành** độ n g **carbon** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8		1.66	ời	mg/cm/g
	Top: h nuệ số ơ	? 15		17		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế					
	L ớp lót: ấm ớ	? 2		2.99	ời	mg/cm/g
	lót: h nuệ số ơ	? 20		31		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài	Đ **PU / PU**					
	Ch ố i mài mòn ế ngoài (	? 150		32		mm
	Chư ố t c gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớ t gót v ề phía t	? 0.31		0.43		ma sát
	rư Cột cố t bảng - G ố m + NaLS - Trư ớ t lùi v ề phía t	? 0.36		0.41		ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t gót phía t	? 0.19		0.31		ma sát
	Chư ố t SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t lùi v ề phía t	? 0.22		0.31		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		36.7		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		26		J
Đ ứ n g đầ **Thép**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		15.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		19.0		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		9.29		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			11.57 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		8%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.